

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 9 /8/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận S, thành phố Đ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 9 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/06/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1981

Trú tại: H20/3 Kiệt 24 đường An Điền, Tổ 15, phường A, quận S, Tp Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ 15, phường A, quận S, Tp Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12/03/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P g trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Tp. Đ vào năm 2011, theo Giấy đăng ý kết hôn số 63, quyển sổ

01/2011 ngày 25/5/2011, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm sống không hợp. Mâu thuẫn đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Chúng tôi sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Nay tôi xác định không còn yêu thương ông L nữa đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với L.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và ông Trần Văn L có 03 con chung tên là Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001; Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003; Trần Văn Nt, sinh ngày: 01.02.2009. Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn N, giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Á và Trần Thị Tuyết N. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

** Đối với bị đơn – ông Trần Văn L mặc dù đã được Tòa án đã giao các thông báo về các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông L đều vắng nên không có ý kiến của ông Đoàn Văn L.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; riêng bị đơn – ông Trần Văn L không có mặt tại các phiên hòa giải, các phiên tòa ông L đều vắng mặt, không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với ông Trần Văn L xử bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Văn L. Về con chung: giao Trần Văn N, sinh ngày: 01.02.2009 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao hai con chung Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001; Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003 cho Trần Văn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về nợ chung và về tài sản chung: bà Nguyễn Thị P khai nhận không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị không giải quyết. Nếu sau này ông L có tranh chấp tài sản chung hoặc nợ chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn L.

[2] **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L đăng kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường A, quận S, Tp. Đ theo Giấy đăng ý kết hôn số 63, quyển số 01/2011 ngày 25/5/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị P thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L lại không làm được điều này. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L thì đã được chính quyền địa phương cung cấp và xác định mâu thuẫn của vợ chồng ông L bà P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Vợ chồng ông L và bà P đã sống ly thân. Riêng đối với ông Trần Văn L, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Trần Văn L đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Trần Văn L không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà P và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với Trần Văn L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P xác định bà và ông Trần Văn L có ba con chung tên là: Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001; Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003; Trần Văn N, sinh ngày: 01.02.2009. Tại Phiên Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Văn N và đề nghị Tòa án Giao hai con chung Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001; Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003 cho Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà Nguyễn Thị P thì thấy: Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận hiện nay hai cháu Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001 và Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003 đang ở với ông Trần Văn L. Theo nguyện vọng của hai cháu thì cháu Á và cháu N đều muốn ở với bố. Nên HĐXX xét thấy cần giao hai con Trần Thị Á và Trần Thị Tuyết N cho ông Trần Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến các khi con đủ 18 tuổi, giao con chung Trần Văn N cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị P không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị

P là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P khai nhận không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác nhận không có nợ chung.

Nếu sau này ông Trần Văn L có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị P đối với ông Trần Văn L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Trần Văn L.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Trần Văn L nên giấy chứng nhận kết hôn số 63 do UBND phường A, quận S, thành phố Đ cấp ngày 24/05/2001 cho bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Văn N, sinh ngày: 01.02.2009 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao hai con chung Trần Thị Á, sinh ngày 03.01.2001; Trần Thị Tuyết N, sinh ngày: 02.8.2003 cho Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi vì cần thiết lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 008579 ngày 14.3.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ. Bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A,
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

